

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI
ĐỒNG PHƯƠNG**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI ĐỒNG PHƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG PHUONG AGRICULTURAL PRODUCTION INVESTMENT AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DONG PHUONG APIAT CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110202961

3. Ngày thành lập: 08/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đội 1, Thôn Đồng Nanh, Xã Tiên Phương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913385099

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm, thiết bị y tế)	4649
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
9.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
12.	Trồng lúa	0111
13.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
14.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
15.	Trồng cây mía	0114
16.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
17.	Trồng cây hàng năm khác	0119
18.	Trồng cây ăn quả	0121

19.	Trồng cây chè	0127
20.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
21.	Trồng cây lâu năm khác	0129
22.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
23.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
24.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
25.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
26.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
27.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
28.	Chăn nuôi gia cầm	0146(Chính)
29.	Chăn nuôi khác	0149
30.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
31.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
32.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
33.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
34.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
35.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
42.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
43.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
44.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
45.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
46.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
47.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
48.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
49.	Sản xuất đường	1072
50.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
51.	Sản xuất chè	1076
52.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
53.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
54.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
55.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
56.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394

57.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
58.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
59.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
60.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
61.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
62.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
63.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
64.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
65.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
66.	Tái chế phế liệu	3830
67.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
68.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
69.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
70.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 4.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HIỀN	Việt Nam	Thôn Long Châu Sơn, Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	50,000	001193038597	
2	TRẦN THỊ THẨM	Việt Nam	Thôn An Vinh, Xã Vũ An, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	2.000.000.000	50,000	034191013036	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ THẨM

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/05/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034191013036

Ngày cấp: 14/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn An Vinh, Xã Vũ An, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn An Vinh, Xã Vũ An, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội